

Tiềm Long Vật Dụng

Lê Huy Trứ

Tiềm long vật dụng (潛龍勿用) lời hào Sơ cửu của quẻ Kiền, có nghĩa là: *"như con rồng còn đang ẩn náu; không nên dụng."* Khi khí dương còn đang tiềm tàng, hoặc bản thể của tâm chưa được phát lộ thì không nên hành động.

Nhà Vật Lý, giải Nobel Vật Lý, Dr. Richard Phillips Feynman nói: *"Khoa học là tin tưởng vào cái vô minh, thiếu kiến thức của những nhà chuyên môn."*

"Science is the belief in the ignorance of experts." Dr. Richard Phillips Feynman (May 11, 1918 – February 15, 1988) was an American physicist addressed, "What is Science?" presented at the fifteenth annual meeting of the National Science Teachers Association, in New York City (1966,) published in The Physics Teacher, volume 7, issue 6 (1969,) p. 313-320)

Tương tự, tín ngưỡng tôn giáo là đặt niềm tin mù quáng, và cuồng tín vào những tín điều được ngụy tạo rồi dựng lên như những chiêu bài được mặc khải từ thần linh. Bởi một nhóm gian tà, đi tu như là một nghề xảo trá, lừa đảo tín đồ với chủ đích phục vụ tập đoàn tôn giáo trị.

René Descartes' quotes:

*“In order to seek truth, it is necessary once in the course of our life **to doubt**, as far as possible, of all things.”*

Muốn tìm sự thật, điều cần thiết trên đời là nên đa nghi. Dù chỉ một lần trong đời. Nếu có thể, càng nghi nhiều càng tốt. Nghi bất cứ tất cả cái gì, ngay cả cái bóng của mình cũng đa nghi là không thật.

Đức Thế Tôn cũng đã dạy cái bài học đừng nhẹ dạ tin ai, kể cả kim khẩu của Đức Phật, mà phải khôn ngoan bắt chước Tổng Thống Mỹ Ronald Reagan dạy khôn: Tin nhưng phải kiểm chứng, (trust but verify.)

“Cái nguyên tắc đầu tiên đó là bạn phải không đánh lừa chính mình và vì bạn là người dễ bị lừa bịp nhất.”

“The first principle is that you must not fool yourself and you are the easiest person to fool.” Dr. Richard Phillips Feynman

Tóm lại, đừng nên cả tin ai. Ngay cả chính mình. Vì bản lai 18 căn trần thức của chính mình, chính là tổ sư diện mục của bịp bợm lấy mình.

Không thấy, không tin,
Thấy, cũng không tin.
Thấy Phật, không tin,
Thấy Chúa, không tin.

Bạn có thể tự đánh lừa chính mình, và bạn sẽ ngậm ngùi sống với nó. Như là những bài học kinh nghiệm đầy cay đắng của

bản thân. Bởi vì, bạn là người dễ bị bạn lừa bịp nhất.

Tuy nhiên, nếu bạn lừa bịp kẻ khác, thì hậu quả sẽ khó lường cho cả bạn lẫn họ.

Sở dĩ chúng ta đa nghi vì không vội tin đó là sự thật. Đa nghi là muốn đi tìm sự thật, mà sự thật tự nó có tánh thuyết phục đa nghi.



Điều tiên quyết, và tối quan trọng là đừng vì mặc cảm tự ti rồi trở thành tự tôn. Vì tập tục vô minh, không trí tuệ, kém trí thức, thiếu kiến thức khoa học. Không hiểu triết lý và luận lý căn bản, mà cố chấp, u muội làm tưởng những bậc khoa học gia này, những đấng bề tát đó, tái sanh vào thế giới văn minh khoa học, trưởng thành trong những nước văn minh Tây Phương, chỉ biết trọng vật chất ngoại thân nhưng kém triết lý tâm linh nội tại.

Thêm nữa, cũng đừng si muội, suy bụng vô minh của mình ra bụng trí tuệ của người. Như đa số những “bậc nhảm ngộ,” để

giảng dạy cho tín đồ mê tín của mình cái quan niệm chủ quan sai lầm đó. Để rồi hàm hồ kết luận là, những bồ tát gia Tây Phương này, chỉ biết nhìn ra, cố công tìm kiếm cái sắc. Họ không biết nhìn vào, quán tự tại, để chiếu kiến cái Không.

Nếu những thiện tri trí thức này không có một cái ‘nhìn ra’ sâu rộng với kiến thức bác học, thì họ không thể nào có được một cái ‘nhìn vào,’ để chiếu kiến ngũ uẩn được.

Tôi nghĩ hơn nữa, bậc Bồ Tát hành thâm Bát Nhã chỉ quán rất giới hạn tự tại, và chiếu kiến ngũ uẩn đầy thiện cận.

Đấng Bồ Tát chỉ ‘nhìn vào,’ thấy tới ‘cái có’ của ngũ uẩn giai không. Chứ họ chưa chiếu kiến tới cái ‘nhìn ra’ từ bờ bên kia, “chiếu kiến đáo bỉ ngạn,” thấy được cái không của không (emptiness of emptiness.)

Tương tự, trong vòng 80 năm trở lại, khoa học đã biết ‘nhìn vào,’ và đã biết quán tự tại, để chiếu kiến vũ trụ cấu tạo từ giai không. Khi thì hạt, khi thì trở thành dạng sóng (particles và waves, có không, không có.)

Khoa học cũng đã ‘nhìn ra,’ nhưng chưa chiếu kiến, và hiểu nổi để mà, có thể chứng minh lần tư nghị nổi cái vô sắc tướng, dark matter và dark energy, chiếm 95% kiến trúc của những vũ trụ ảo (holographic universes).

Đơn giản, chúng ta không bao giờ giảng giải nổi cái bất khả tư nghị này qua 18 phương tiện căn trần thức, đầy vô minh của phàm phu tục tử được.

Ngoại trừ Đức Thế Tôn, rất ít chúng sinh có trí tuệ viên dung để có cái ‘nhìn ra’ từ bờ bên kia, mà giác ngộ được thực tại của vô sắc tướng.

Hơn nữa, khi còn cố chấp phân biệt bờ này bên nọ có nghĩa là, vẫn còn tâm nhị nguyên. Cho dù, vô sở vô trụ ‘giang hồ không bờ không bến,’ cũng chỉ đạt tới tâm bất nhị. Chứ chưa thật sự, tri kiến Phật, chưa kiến thực bản lai Như Lai.

Đó là sự thật! Không có gì cổ hơn sự thật.

“There is nothing more ancient than the truth.” René Descartes

Vấn đề không phải là ‘không có, có không, sắc và vô sắc,’ hay chiếu kiến được ngũ uẩn giai không. Nhưng nguyên nhân là, tại vì sự tiến hoá (evolution) của chúng sinh lẫn con người (human) vẫn còn quá phôi thai, để có thể nắm bắt được ‘Nhất Nguyên.’

Có thể hơn vài chục triệu năm tới, chúng ta sẽ tiến hóa ‘khác hơn,’ trở thành siêu nhân (super human.) Và nhất là bớt vô minh, thì may ra nhân sinh mới có được một chút khái niệm minh mẫn về công án này?

Không có gì xưa hơn anh minh và cũng không có gì già bằng vô minh.

Kiến thức mà không có trí tuệ thì vô minh. Trí tuệ mà không có kiến thức thì mù... chữ. Mà đã mù dốt chữ rồi, thì không thể có kiến thức anh minh bác học để mà lý luận, giảng thuyết với ngôn ngữ đượm màu triết học, khoa học, toán học, văn

chương, đạo đức của giảng sư đại học, có học thức lẫn trí tuệ được.

Trong Thế Giới Nhất Hoa, 343. Hòa Sơn đánh trống, Giải đả cổ, Thiền sư Hòa Sơn dạy chúng:

- *Hữu học gọi là nghe. Vô học gọi là gần (*) Qua được hai hạng này gọi là thật qua.*

() Bản chữ Hán: Thanh Văn, Duyên Giác là hàng Hữu học, nhị thừa vị gọi là KHAI. Chứng đắc thánh vị Vô học gọi là LÂN (gần kề.)*

Cái học này bao gồm cả trao dồi kiến thức lẫn phát triển trí tuệ. Mà trí tuệ không cần học, chỉ cần phát triển. Nhưng kiến thức thì phải trao dồi mới có được.

Kiến thức tích tụ từ vô lượng kiếp cho đến vô lượng kiếp vị lai. Trí tuệ thì luôn luôn có đó, không đi không đến đó.

Nhưng ‘đó’ là đâu mà đi đến?

Cho nên, đừng có ngu muội mà nói học cao, kiến thức tràn đầy khó nhét thêm cái giác ngộ. Thay vì, vô học, trí não trống rỗng có thể dễ dàng thâm nhiễm cái “si ngộ,” tràn đầy vô minh.

Vậy tại sao Lục Tổ Huệ Năng (Năng, zh. huìnéng/ hui-neng 慧能, ja. enō), 638-713, không biết chữ mà, kinh nào nghe đọc qua cũng giảng được ý Phật tới trình độ lưu hỏa thuần thanh?

Tại vì, có thể Lục Tổ ‘có’ hay chữ. Nhưng, Ngài giả bộ ‘không’ biết chữ. Như Ngài đã giả bộ khờ dại, trà trộn ẩn thân sống 16 năm với đám thợ săn, chuyên nghề sát sinh thú vật trong rừng.

Con người vô học, không biết viết đọc, không biết văn phạm, danh từ, cú pháp, thơ luật, chưa bao giờ trau dồi kiến thức bác học, không đọc nhiều sách vở, và kinh điển, thì không thể nào làm được bài kệ tuyệt vời vô nhất vật, vượt qua tay kiến thức bác học, trí tuệ cao nhất trong đám đệ tử của Ngũ Tổ đó là, thủ tọa Ngọc Tuyên Thần Tú (zh. shénxiù 神秀, ja. jinshū), ~ 605-706, được.

Cho dù trí tuệ Huệ Năng có cao thâm cỡ nào cũng không thay thế được kiến thức trui luyện từ học vấn.

Ngũ Tổ cũng không phải đui mù, vô minh để ngấm chọn tên Nam di ngu dốt, mới tới chùa đang làm công quả ở nhà bếp để truyền y bát.

Huệ Năng tự giác ngộ rồi tình cờ nhân duyên nghe qua vài đoạn Kinh Kim Cang (Ứng vô sở trụ. Nhi sinh kỳ tâm!) Vội vàng hỏi và đi tìm Ngũ Tổ để nhờ ‘công lực hỏa hầu’ của Ngũ Tổ ấn chứng cho cái Giác Ngộ của mình. Huệ Năng không cần phải theo sư phụ tu học lâu năm như Thần Tú, và những môn đệ khác.

Ngũ Tổ Hoàng Mai Hoàng Nhẫn (zh. hóngren 弘忍, ja. gunin) cũng mong chờ kẻ truyền chân xướng đáng, để Ngài bàn giao ‘của nợ làm Tổ.’ Chứ Ngũ Tổ không thể tự mình đào tạo nổi

Tổ kế tiếp.

Lục Tổ không truyền lại y bát cho ai làm thất tổ, đó là thể theo ý của Đức Thế Tôn trước khi nhập diệt, chỉ khuyên tất cả đồ đệ nên tục diệm truyền đăng, không cần phải nương theo, và ý lại vào một giáo chủ nào khác đưa đường chỉ lối cho mình nữa.

Thắc mắc kế tiếp, nếu Huệ Năng biết chữ thì tại sao Ngài lại nhờ người khác viết dùm bài kệ vô nhất vật đó trên tường?

Tôi xin mạo muội suy bụng mình ra bụng Tổ: Đó là cái bản ý cao thâm nhất của bài kệ vô nhất vật, ngay cả hạt bụi trên tường ngài cũng không để lại.

Đây là điều mà Lục Tổ đã tiên đoán trước hơn 1400 năm sau. Có kẻ si muội đó là Đại Sư Đại Hàn Sùng Sơn (Duk In Lee,) và đám đồ tôn tới vãng chùa Lục Tháp (Liu Rông.)

Đại Sư Sùng Sơn ngạo mạn chê Huệ Năng còn để lại 3 hạt bụi. Sùng Sơn chê bài thơ của Huệ Năng vẫn chưa thật sự là vô nhất vật.

Ba hạt bụi đó là, thứ nhất, bụi “*Xưa nay không một vật.*” Thứ hai, bụi “*Bồ Đề.*” Thứ ba, bụi “*Gương sáng chẳng phải đài.*”

Sư Sùng Sơn kết luận: Vì vậy, làm thế nào ngài Huệ Năng có thể nói, trong dòng kệ cuối cùng, “*Chỗ nào còn dính bụi?*”

Tội nghiệp, những nhà sư Trung Hoa trong chùa, quá thật thà, ú ớ, không trả đũa được.

Rất tiếc, tôi không có đó để hỏi lại Đại Sư là: Đề lại ở đâu? (Sở trụ ở đâu?)

Biện luận cùng nhận xét của Đại Sư Sùng Sơn rất là độc đáo, khó mà phản kháng.

Đại sư Sùng Sơn giải thích: Thầy thủ tọa Thần Tú bị dính mắc với sự vô thường của ngôn từ hiện tượng, "*Sắc tức là không; Không tức là sắc.*" Trong khi Lục Tổ bị dính mắc với tánh Không, "*không Sắc, không Không.*"

Rồi Đại Sư Sùng Sơn giảng tiếp: Tất cả đều có ý nghĩa — Tuệ giác. Tuy nhiên, Chân thật ngữ là Sắc tức Sắc; Không tức Không. Bạn có thể đánh ngã bài thơ của Lục Tổ từ quan điểm bất nhị của "*Sắc tức Sắc, Không tức Không*" được chăng?

(Trong Thế Giới Nhất Hoa, 358. Kệ của Lục Tổ, Vô y đạo nhân. Lời bàn: “Nếu giải đáp được những câu hỏi này, bạn trở thành thầy của Phật.”)

Thành Phật tôi cũng không cầu, hướng hồ là trở thành thầy của Phật. Nhưng theo tôi thì hình như, Đại Sư Sùng Sơn vẫn ‘dính’ bất nhị? Còn tôi còn chấp vô minh thấy...ấn tượng nổi dom đóm giữa hư không...tâm thức tưởng thấy vô nhất như?

Và nếu tôi không ‘chấp nhàm,’ thì Huệ Năng đã để lại ‘không’ hạt bụi. Vì, trọn đời Lục Tổ không bao giờ viết một chữ.

Đúng như tinh thần của Đức Thế Tôn: Trong hơn bốn thập niên, thuyết pháp, ta chưa bao giờ nói một chữ.

Nhân tiện đây, thử xem Thiền Sư Mãn Không, sư phụ của Thiền Sư Cổ Phong, và thái sư phụ của Đại Sư Sùng Sơn, dâng thơ cho thầy mình là Thiền sư Cảnh Hư, sư tổ của Sùng Sơn, dính bao nhiêu hạt bụi?

Trong Thế Giới Nhất Hoa, 152. Mãn Không dâng thơ, Thủy chung hoặc hoại, viết:

Thiền sư Mãn Không làm thơ dâng lên cho sư phụ của mình là Thiền sư Cảnh Hư (gương rỗng suốt) như sau:

*Cảnh Hư bốn vô cảnh.
Tĩnh ngu ru hội phi ngu ru.
Phi vô xír xír lộ.
Hoạt nhãn: tưu dĩ sắc*

Tôi phóng dịch:

*Kiếng trống vốn không gương.
Trâu tĩnh gặp trâu không.
Không sở cũng không trụ.
Bừng mắt toàn tưu sắc.*

Cho nên, chê thầy người dễ dàng hơn chê thầy mình, mà nhất là kẻ đó lại là, thầy của thầy mình.

Đây là thói thường tự cao tự đại của đại đa số nhân sinh. Ngay cả kẻ tu hành lên tới bậc thượng thừa, vẫn không qua nổi cái độc tôn si muội này.

Thói thường, dễ dàng chê bai, phê bình công trình tâm huyết

của người trí cao hơn mình, đề tự tôn là mình cao siêu hơn người, mà không có lý luận vững chãi hơn, hay là tự mình làm được như họ, hay hay hơn họ. Từ mặc cảm tự ty trở thành tự tôn; hạ người trên xuống, đề tự đội mình lên, như tôi cũng đang làm. Trên thì cúi đầu đội, dưới chân thì chà đạp. Thay vì, nhún nhường cúi xuống cứu vớt người lên.

Tuy nhiên, ngạn ngữ cũng có câu: *“Hậu sinh khả úy, hay con hơn cha là nhà có phúc.”*

Con thành công hơn cha mẹ, trò tài giỏi hơn thầy. Chính là điều mà tôi tin tưởng, Đức Thế Tôn lần bất cứ một chân sư, và cha mẹ nào trên cõi đời, cũng đều mong mỗi hậu sinh thành đạt hơn chính mình.

Dưới trường chân sư không có học trò kém cỏi.

Đại Sư Sùng Sơn là vị thiền sư đạt ngộ, và thân chứng diệu lý Thiền tông. Ngài đã được chứng ngộ bởi những cao tăng, nên Ngài đã lọt vào trong giai cấp này, hơn là nhận xét si muội ở trên của tôi.

Tạm kết,

Thấy vậy, nhưng không phải như vậy.
Bởi vì, trong cái thấy chỉ là cái thấy.
Trong như thị tri kiến, chỉ là như thị tri kiến.
Trong như thị ngã văn, chỉ là như thị ngã văn.

